



Hải Phòng, ngày 19 tháng 04 năm 2021

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

I. TÊN CÔNG TY, GIẤY PHÉP KINH DOANH, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM HỌP

- Tên Công ty: **Công ty cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng**
- Trụ sở chính: Số 2 Đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.
- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0200576055 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11/04/2013.
- Thời gian họp: 7h30 Thứ Hai, ngày 19 tháng 04 năm 2021.
- Địa điểm họp: Nhà khách Hải Quân - Số 5 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty.
2. Các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng theo danh sách cổ đông chốt ngày 19/03/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.
3. Đại biểu khách mời gồm:
 - Ông Nguyễn Anh Dũng - Ủy viên HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Chủ tịch HĐQTV- Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex.
 - Ông Trần Đức Dự - Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex và đại diện lãnh đạo các phòng, ban nghiệp vụ của Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex.

III. CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Ông Nguyễn Cảnh Thăng - Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty thay mặt Ban tổ chức công bố Quyết định triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và Quyết định thành lập Ban tổ chức Điều hành Đại hội.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm các Ông, Bà có tên sau:

- | | |
|---------------------------|--------------|
| a. Ông Đinh Mai Hân | - Trưởng ban |
| b. Bà Nguyễn Thị Kim Liên | - Ủy viên |
| c. Bà Nguyễn Thùy Chi | - Ủy viên |

Tiếp theo Ông Nguyễn Cảnh Thăng - Thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã báo cáo kết quả kiểm tra tư cách của các cổ đông về dự Đại hội. Tổng số cổ đông được triệu tập là: 164 cổ đông (tương ứng 100% vốn Điều lệ). Tại thời điểm khai mạc có 53 cổ đông và đại diện cổ đông tham dự Đại hội tương ứng với 1.717.450 cổ phần được biểu quyết (bằng 71,56% vốn Điều lệ). Kết quả: 100% cổ đông đều đủ tư cách tham dự Đại hội, không có ý kiến nào khiếu nại, chất vấn về tư cách của cổ đông (Có Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông đính kèm).

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng với tỷ lệ tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành. Mọi quyết định tại Đại hội có đầy đủ tính pháp lý và hiệu lực thi hành.

2. Ông Nguyễn Cảnh Thăng thay mặt Ban tổ chức giới thiệu Đoàn chủ tịch gồm:

- Ông Nguyễn Việt Dũng - Chủ tịch HĐQT: Chủ tọa Đại hội
- Ông Nguyễn Mạnh Cường - Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty
- Bà Hoàng Thị Thúy Hương: Trưởng ban Kiểm soát Công ty

▪ Ban Thư ký Đại hội kiêm kiểm phiếu biểu quyết Đại hội gồm:

- Ông Nguyễn Hữu Ban - Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Ủy viên

3. Ông Nguyễn Cảnh Thăng - Ban tổ chức trình bày nội dung chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Đại hội đã biểu quyết nhất trí 100% thông qua nội dung Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

4. Ông Nguyễn Mạnh Cường - Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty thay mặt Hội đồng quản trị Công ty báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

5. Ông Nguyễn Việt Dũng - Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo trả thù lao của các thành viên HĐQT, BKS năm 2020.

6. Bà Hoàng Thị Thúy Hương - Trưởng ban Kiểm soát thay mặt Ban Kiểm soát Công ty báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020.

7. Ông Nguyễn Việt Dũng - Chủ tịch HĐQT thay mặt Hội đồng quản trị Công ty trình bày: Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, Tờ trình phương án trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2021, Tờ trình về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

8. Bà Hoàng Thị Thúy Hương - Trưởng ban Kiểm soát thay mặt Ban Kiểm soát Công ty trình bày Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

9. Thảo luận, tham gia ý kiến của các cổ đông và giải trình của HĐQT, BKS.

* Các cổ đông đã thảo luận và trao đổi các nội dung của Đại hội. Đoàn Chủ tịch đã tiếp thu các ý kiến và trả lời đầy đủ các câu hỏi, thắc mắc của các cổ đông. Sau khi giải trình của Đoàn Chủ tịch, các cổ đông không có ý kiến gì khác.

10. Phát biểu của cổ đông chi phối: Đại hội đã nghe ý kiến phát biểu của Ông Nguyễn Anh Dũng, Ủy viên HĐQT Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Vận tải thủy Petrolimex. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của Đ/c Lãnh đạo Tổng công ty. Thay mặt Đại hội, Chủ tọa Đại hội xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới sự quan tâm sát sao, chỉ đạo cụ thể, quý báu của Ông Nguyễn Anh Dũng đối với Công ty cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng và xin ghi nhận ý kiến của Đ/c và của các cổ đông, Công ty cố gắng phấn đấu để kế hoạch lợi nhuận năm 2021 không lỗ.

11. Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình:

❖ Tại thời điểm 10h có 66 cổ đông và đại diện cổ đông tham dự Đại hội, tương ứng với 1.779.250 cổ phần được biểu quyết bằng 74,14% vốn Điều lệ.

11.1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 với một số chỉ tiêu chủ yếu đã được Công ty TNHH kiểm toán An Việt xác nhận như sau:

a. Một số chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

- Tổng doanh thu: 113.559 triệu đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 38 triệu đồng

b. Một số chỉ tiêu tài chính đến ngày 31/12/2020:

- Tổng tài sản: 46.043.830.198 đồng (Trong đó: Tài sản ngắn hạn: 32.992.953.671 đồng, Tài sản dài hạn: 13.050.876.527 đồng)
- Tổng nguồn vốn: 46.043.830.198 đồng (Trong đó: Nợ phải trả: 13.021.588.521 đồng, Vốn chủ sở hữu: 33.022.241.677 đồng)

Kết quả biểu quyết:

Đồng ý: 1.779.250 điểm = 100 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Không đồng ý: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Ý kiến khác: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

11.2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và một số giải pháp chủ yếu năm 2021

a. Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

- Sản lượng xếp dỡ: 70,5 nghìn tấn
- Tổng doanh thu: 66.750 triệu đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: - 3.994 triệu đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức: 0%

b. Một số giải pháp chủ yếu:

- Trên cơ sở ít thuận lợi và cũng còn nhiều khó khăn, năm 2021 Công ty càng phải cố gắng tìm kiếm khách hàng, thỏa mãn yêu cầu của khách hàng hơn nữa trong chất lượng dịch vụ cũng như giá cả để bù đắp lượng hàng hóa xếp dỡ dự báo chưa được cải thiện.

- Đẩy mạnh công tác kinh doanh cấp nhiên liệu cho tàu biển nhưng đảm bảo an toàn về tài chính.

- Tính toán tiết giảm chi phí ở mức tối đa có thể, thu hút nguồn hàng tái xuất Trung Quốc phù hợp với tình hình của Cảng về chi phí nhân công.

- Thực hiện tốt công tác tài chính kế toán theo quy định của Nhà nước và quy chế quản lý tài chính của Công ty; sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn.

- Chú trọng đến công tác an toàn con người, tài sản trang thiết bị, thường xuyên tuyên truyền để người lao động nâng cao ý thức trong sản xuất, phải đảm bảo tuyệt đối an toàn.

Kết quả biểu quyết:

Đồng ý: 1.779.250 điểm = 100 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Không đồng ý: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Ý kiến khác: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

11.3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 do Công ty TNHH kiểm toán An Việt thực hiện kiểm toán

Kết quả biểu quyết:

Đồng ý: 1.779.250 điểm = 100 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Không đồng ý: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Ý kiến khác: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

11.4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021

Kết quả biểu quyết:

Đồng ý: 1.779.250 điểm = 100 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Không đồng ý: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Ý kiến khác: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

11.5. Thông qua Báo cáo trả thù lao của các thành viên HĐQT, BKS năm 2020

Kết quả biểu quyết:

Đồng ý: 1.779.250 điểm = 100 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Không đồng ý: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Ý kiến khác: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

11.6. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020

Kết quả biểu quyết:

Đồng ý: 1.779.250 điểm = 100 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Không đồng ý: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Ý kiến khác: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

11.7. Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2020. Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đ)
1	Lợi nhuận thực hiện	38.112.230
2	Thuế TNDN	14.342.192
3	Lợi nhuận sau thuế	23.770.038
3.1	Chia cổ tức (0%)	0
3.2	Trích quỹ phúc lợi	23.770.038

Kết quả biểu quyết:

Đồng ý: 1.779.250 điểm = 100 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Không đồng ý: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Ý kiến khác: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

11.8. Thông qua Tờ trình phương án trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2021 như sau:

- Mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Chủ tịch HĐQT bằng 20% tiền lương của Giám đốc Công ty. Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát bằng 20% tiền lương của Phó Giám đốc Công ty. Thành viên Ban Kiểm soát bằng 70% thù lao của Trưởng ban Kiểm soát.

- Phương thức trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS công ty năm 2021: Tạm thời chưa chi trả khoản thù lao trên, kết thúc năm tài chính 2021, nếu Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD do ĐHCĐ giao thì HĐQT và BKS sẽ nhận thù lao, nếu không hoàn thành kế hoạch sẽ không nhận.

Kết quả biểu quyết:

Đồng ý: 1.779.250 điểm = 100 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Không đồng ý: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Ý kiến khác: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

11.9. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

- Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

TT	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi (phần in nghiêng)
1	PHẦN MỞ ĐẦU Căn cứ: - Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua	PHẦN MỞ ĐẦU Căn cứ: - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

	<p>ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; - Căn cứ Điều lệ mẫu tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</p>	
2	<p>Điều 1: Giải thích thuật ngữ</p> <p>a. “Vốn Điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp;</p> <p>b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>e. “Cổ đông” là mọi thể nhân hay pháp nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;</p> <p>k. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 1: Giải thích thuật ngữ</p> <p>a. <i>Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</i></p> <p>b. <i>“Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</i></p> <p>e. <i>“Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.</i></p> <p>k. <i>"Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.</i></p> <p>q. <i>Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>r. <i>Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</i></p>
3	<p>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>4. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>4. <i>Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty - Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và</i></p>

		<p><i>các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>Trách nhiệm và quyền hạn của người đại diện theo pháp luật theo quy định của Điều lệ và pháp luật có liên quan. Trường hợp việc phân chia quyền, nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật chưa được quy định rõ trong Điều lệ Công ty thì mỗi người đại diện theo pháp luật của công ty đều là đại diện đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba; Tất cả người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại gây ra cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.</i></p> <p><i>Công ty phải đảm bảo luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.</i></p> <p><i>Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định nêu trên mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau: Người ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty</i></p>
4	<p>Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.</p> <p>3. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp</p>

1. Doanh nghiệp phải thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh khi thay đổi một trong những nội dung sau đây:

- a) Ngành, nghề kinh doanh;
- b) Cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần, trừ trường hợp đối với công ty niêm yết;
- c) Nội dung khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi.

3. Công ty cổ phần phải thông báo bằng văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông của công ty. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính;
- b) Đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài chuyển nhượng cổ phần: tên, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; họ, tên, quốc tịch, địa chỉ liên lạc của cổ đông là cá nhân; số cổ phần, loại cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ trong công ty; số cổ phần và loại cổ phần chuyển nhượng;
- c) Đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng cổ phần: tên, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; họ, tên, quốc tịch, địa chỉ liên lạc của cổ đông là cá nhân; số cổ phần và loại cổ phần nhận chuyển nhượng; số cổ phần, loại cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của họ trong công ty;
- d) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung thông tin theo nội dung thông báo thay đổi đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

5. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng

		<p><i>tài thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:</i></p> <p>a) <i>Tổ chức, cá nhân đề nghị thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp gửi thông báo thay đổi nội dung đăng ký đến Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực. Kèm theo thông báo phải gồm bản sao bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực;</i></p> <p>b) <i>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo nội dung bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người đề nghị đăng ký thay đổi. Trường hợp từ chối sửa đổi, bổ sung thông tin theo nội dung thông báo thay đổi đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị đăng ký thay đổi và nêu rõ lý do.</i></p>
5	<p>Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p>	<p>Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.</p> <p>4. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p>

		<p>5. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>
<p>6</p>	<p>Điều 10: Quyền của cổ đông</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 22 và khoản 2 Điều 30 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 10: Quyền của cổ đông</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham gia và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. <i>Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</i></p> <p>l. <i>Bổ sung mục L: Được quyền đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.</i></p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 23 và khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e. <i>Bổ sung mục e: Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp</i></p> <p>4. <i>Bổ sung khoản 4: Đối với cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ</i></p>

thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật này;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

6. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu

		<p><i>cầu khởi kiện.</i></p> <p><i>7. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.</i></p>
7	<p>Điều 11: Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 11: Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. <i>Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</i></p> <p>7. <i>Bổ sung khoản 7: Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cổ đông có thể uỷ quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện của mình tại ĐHĐCĐ.</i></p> <p>8. <i>Bổ sung khoản 8: Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</i></p>
8	<p>Điều 12: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp</p>	<p>Điều 12: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường</i></p>

<p>Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p> <p>3.d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 10 Điều lệ này, yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản....</p> <p>3.e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4.b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a khoản 4 Điều 12 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4.c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 12 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><i>niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i></p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <i>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</i></p> <p>3.d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau: Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản....</p> <p><i>3e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</i></p> <p>4b. Trường hợp Hội đồng quản trị họp không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a khoản 4 Điều 12 thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.</p> <p>4c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này 12 thì <i>cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</i></p> <p><i>4e. Bổ sung khoản 4e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</i></p>

<p>9</p>	<p>Điều 13: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc; đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông qua các báo cáo tài chính năm; định hướng phát triển Công ty; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; d. Lựa chọn công ty kiểm toán; đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên 	<p>Điều 13: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật. <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của
----------	---	--

<p>sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>m. Quyết định giao dịch mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>o. Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của công ty;</p> <p>3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều 13 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội</p>	<p><i>Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</i></p> <p><i>f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>h. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</i></p> <p><i>j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</i></p> <p><i>l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</i></p> <p><i>m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</i></p> <p><i>n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</i></p> <p><i>o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</i></p> <p><i>p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</i></p> <p><i>q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</i></p> <p><i>r. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i></p> <p><i>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ</i></p>
--	--

	đồng cổ đông.	đồng.
10	<p>Điều 15: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời...công ty. <i>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan ...</i></p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 15 trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;</p>	<p>Điều 15: Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; Chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời...công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan ..</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều 15 nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;</p>
11	<p>Điều 16: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>Điều 16: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p>

	<p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>
12	<p>Điều 17: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 17: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>12. Bổ sung khoản 12: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>13. Bổ sung khoản 13: Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm</p>

		2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
13	<p>Điều 18: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>b. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p>	<p>Điều 18: Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>b) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty,</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp..</p> <p>3. Bổ sung khoản 3: Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>
14	<p>Điều 19: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức</p>	<p>Điều 19: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời</p>

	<p>lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><i>điểm kết thúc kiểm phiếu.</i></p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
15	<p>Điều 20: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 20: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</i></p> <p><i>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</i></p> <p><i>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</i></p> <p><i>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</i></p> <p><i>đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</i></p> <p><i>e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</i></p> <p><i>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</i></p> <p><i>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</i></p> <p><i>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</i></p> <p><i>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội</i></p>

		<p><i>dung biên bản.</i></p> <p><i>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</i></p> <p><i>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</i></p> <p><i>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</i></p> <p><i>6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</i></p> <p><i>7. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</i></p> <p><i>a. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</i></p> <p><i>b. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>c. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</i></p>
16	<p>Điều 21: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội</p>	<p>Điều 21: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi 90 ngày, kể từ ngày nhận được <i>Nghị quyết hoặc</i> biên bản họp Đại hội</p>

	<p>đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp</p> <p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p>	<p>đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <i>ngợi quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết</i> Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. <i>Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</i></p> <p>2. Nội dung <i>ngợi quyết</i> vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p>
17		<p>Bổ sung Điều 22. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b) Trình độ chuyên môn;</p> <p>c) Quá trình công tác;</p> <p>d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</p> <p>đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</p> <p>e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên</p>

		<p><i>quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</i></p> <p><i>2. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</i></p>
18	<p>Điều 22: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới</p>	<p>Điều 23: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Mỗi cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 2 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới</p>

<p>10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không có đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp</p>	<p>90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật này; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty. <p>b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty. <p>c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p> <p>d. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; - Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật này; - Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị
--	---

	<p>thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>f. Hết nhiệm kỳ; Bị chết</p> <p>g. Bị cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử mình tham gia Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này đề nghị bãi nhiệm, thay thế.</p> <p>h. Bị Hội đồng quản trị kiến nghị bãi nhiệm bằng văn bản.</p>	<p><i>miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</i></p> <p><i>5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</i></p>
<p>19</p>	<p>Điều 24: Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này và Điều lệ công ty, pháp luật về chứng khoán không có quy định khác.</p> <p>2. Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>Điều 25: Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p><i>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).</i></p> <p><i>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</i></p> <p><i>6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị [theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty]. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</i></p>
<p>20</p>	<p>Điều 28: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành</p>	<p>Điều 29: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành</p> <p><i>Bổ sung khoản 6: Tiêu chuẩn, điều kiện của</i></p>

		<p><i>Giám đốc:</i></p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</p>
21	<p>Điều 29: Thư ký công ty</p> <p>Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyên dụng Thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</p> <p>đ. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.</p>	<p>Điều 30: Người phụ trách quản trị và Thư ký công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>

22		<p>Bổ sung Điều 31: Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tại khoản 1, khoản 2 Điều 32 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>
23	<p>Điều 30: Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công</p>	<p>Điều 32: Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát gồm 03 (ba) người. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau: Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>* Bỏ khoản 3 Điều 30</p>

	bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	
24	<p>Điều 31: Ban kiểm soát</p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p>	<p>Điều 33: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p><i>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</i></p> <p><i>k. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</i></p> <p><i>l. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</i></p> <p><i>m. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i></p> <p><i>n. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</i></p> <p><i>o. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</i></p> <p><i>p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i></p>
25	<p>Điều 33: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>Điều 35: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>

26	<p>Điều 35: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 22 và Khoản 2 Điều 30 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>Điều 37. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>
----	---	---

Kết quả biểu quyết:

Đồng ý: 1.779.250 điểm = 100 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Không đồng ý: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Ý kiến khác: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

11.10. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Ban Kiểm soát đề nghị ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán dưới đây để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty gồm:

- Công ty TNHH KPMG
- Công ty TNHH kiểm toán An Việt
- Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam

Kết quả biểu quyết:

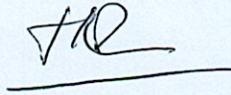
Đồng ý: 1.779.250 điểm = 100 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Không đồng ý: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

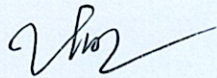
Ý kiến khác: 0 điểm = 0 % tổng số điểm biểu quyết tại Đại hội

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 kết thúc vào hồi 11 giờ 15 cùng ngày. Biên bản này đã được đọc lại cho toàn thể Đại hội cùng nghe và biểu quyết nhất trí thông qua 100%.

Thư ký Đại hội



Nguyễn Hữu Ban



Nguyễn Thị Thanh Mai

Chủ tọa Đại hội



Nguyễn Việt Dũng



Hải Phòng, ngày 19 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA CẨM HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cửa Cẩm Hải Phòng;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 19/04/2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 với một số chỉ tiêu chủ yếu đã được Công ty TNHH kiểm toán An Việt xác nhận như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:
 - Tổng doanh thu: 113.559 triệu đồng
 - Tổng lợi nhuận trước thuế: 38 triệu đồng
2. Một số chỉ tiêu tài chính đến ngày 31/12/2020:
 - Tổng tài sản: 46.043.830.198 đồng
 - Trong đó: + Tài sản ngắn hạn: 32.992.953.671 đồng
 - + Tài sản dài hạn: 13.050.876.527 đồng
 - Tổng nguồn vốn: 46.043.830.198 đồng
 - Trong đó: + Nợ phải trả: 13.021.588.521 đồng
 - + Vốn chủ sở hữu: 33.022.241.677 đồng

Điều 2: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và một số giải pháp chủ yếu năm 2021

1. Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
 - Sản lượng xếp dỡ: 70,5 nghìn tấn
 - Tổng doanh thu: 66.750 triệu đồng
 - Tổng lợi nhuận trước thuế: - 3.994 triệu đồng
 - Tỷ lệ chia cổ tức: 0%

2. Một số giải pháp chủ yếu:

- Trên cơ sở ít thuận lợi và cũng còn nhiều khó khăn, năm 2021 Công ty càng phải cố gắng tìm kiếm khách hàng, thỏa mãn yêu cầu của khách hàng hơn nữa trong chất lượng dịch vụ cũng như giá cả để bù đắp lượng hàng hóa xếp dỡ dự báo chưa được cải thiện.

- Đẩy mạnh công tác kinh doanh cấp nhiên liệu cho tàu biển nhưng đảm bảo an toàn về tài chính.

- Tính toán tiết giảm chi phí ở mức tối đa có thể, thu hút nguồn hàng tái xuất Trung Quốc phù hợp với tình hình của Cảng về chi phí nhân công.

- Thực hiện tốt công tác tài chính kế toán theo quy định của Nhà nước và quy chế quản lý tài chính của Công ty; sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn.

- Chú trọng đến công tác an toàn con người, tài sản trang thiết bị, thường xuyên tuyên truyền để người lao động nâng cao ý thức trong sản xuất, phải đảm bảo tuyệt đối an toàn.

Điều 3: Chấp thuận Báo cáo tài chính năm 2020 do Công ty TNHH kiểm toán An Việt thực hiện kiểm toán

Điều 4: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021

Điều 5: Thông qua Báo cáo trả thù lao của các thành viên HĐQT, BKS năm 2020

Điều 6: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

Điều 7: Phê chuẩn phương án phân phối lợi nhuận năm 2020. Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đ)
1	Lợi nhuận thực hiện	38.112.230
2	Thuế TNDN	14.342.192
3	Lợi nhuận sau thuế	23.770.038
3.1	Chia cổ tức (0%)	0
3.2	Trích quỹ phúc lợi	23.770.038

Điều 8: Phê chuẩn phương án trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2021. Cụ thể:

- Mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: Chủ tịch HĐQT bằng 20% tiền lương của Giám đốc công ty. Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát bằng 20% tiền lương của Phó Giám đốc công ty. Thành viên Ban Kiểm soát bằng 70% thù lao của Trưởng ban Kiểm soát.

- Phương thức trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS công ty năm 2021: Tạm thời chưa chi trả khoản thù lao trên, kết thúc năm tài chính 2021, nếu Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD do ĐHCĐ giao thì HĐQT và BKS sẽ nhận thù lao, nếu không hoàn thành kế hoạch sẽ không nhận.

Điều 9: Phê chuẩn việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Điều 10: Phê chuẩn việc Ban Kiểm soát đề nghị ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán dưới đây để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty:

- Công ty TNHH KPMG
- Công ty TNHH kiểm toán An Việt
- Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam

Điều 11: Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 biểu quyết thông qua 100% và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 04 năm 2021.

Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- CBTT: UBCKNN, Sở GDCKHN;
- Website của Cty;
- Lưu TKHĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Nguyễn Việt Dũng